TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Phan Thị Đẹp.
2- Ông Nguyễn Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 700/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Thảo T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 169 tổ 3, khu phố năm, Phường Chín, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Văn Th, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 715 ấp Phong T1, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Thảo T trình bày: Chị và anh Trần Văn Th có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường Chín, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không lo làm ăn, chơi game, số đề, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh Th đã ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn Th, Tòa án nhân dân thành phố MT đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng anh Th không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, đồng thời anh Th vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Trương Thị Thảo T với anh Trần Văn Th là tranh chấp "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố MT.

[2] Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố MT đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Th theo đúng quy định, nhưng anh Th vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Th.

[3] Tại phiên tòa, chị Trương Thị Thảo T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Th; Con chung, tài sản chung, nợ chung không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh Th có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường Chín, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị T và anh Th đã ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Xét, từ khi anh Th và chị T ly thân cho đến nay, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay anh Th vắng mặt, không đến dự phiên tòa để trình bày ý kiến của mình và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thảo T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Thảo T và anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Thảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011729 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Trương Thị Thảo T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKS nhân dân TP.MT;
- Chi cục Thi hành án DS TP.MT;
- Các đương sự;
- UBND Phường 9, TP.MT, TG;
- Lưu hồ sơ, án văn-s.

Đinh Thị Sang